

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 18 tháng 04 năm 2025

Kính gửi: Phó Chủ tịch Quốc hội Lê Minh Hoan
Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Chí Dũng
Chủ nhiệm Ủy ban KHCN&MT của Quốc hội Lê Quang Huy

Đồng kính gửi: Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Trần Văn Sơn
Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ Nguyễn Mạnh Hùng
Bộ Trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh
Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Đỗ Đức Duy
Bộ Trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên
Tổ Công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ
Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt nam (VCCI)

V/v Góp ý Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật – Kiến nghị tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế để nâng cao chất lượng hàng hóa, phát triển sản xuất-kinh doanh

Các Hội/Hiệp hội ngành hàng chúng tôi, đại diện cho nhiều ngành sản xuất chủ chốt của Việt Nam, xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến sự quan tâm và chỉ đạo quyết liệt của Tổng Bí Thư, Chính phủ và Quốc Hội về cải cách thể chế, tháo gỡ các điểm nghẽn để thúc đẩy sản xuất-kinh doanh: “*tháo gỡ điểm nghẽn của điểm nghẽn¹”, “cắt giảm, đơn giản hóa ngay thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính*”².

Thời gian qua, các Hội/Hiệp hội đã tích cực tham gia trao đổi và nhiều lần có văn bản góp ý Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, vì đây là 2 “Luật Gốc” rất quan trọng, chi phối toàn bộ hàng hóa, sản phẩm sản xuất – nhập khẩu – xuất khẩu tại Việt Nam.

Tuy nhiên, sau khi nghiên cứu Dự thảo 9 ngày 14/04/2025 của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa trình Quốc Hội (*sau đây gọi tắt là Dự thảo*), chúng tôi nhận thấy một số quy định trong Dự thảo chưa hoàn toàn theo đúng tinh thần cải cách quyết liệt và các chỉ đạo trên của Tổng Bí Thư, Chính phủ và Quốc hội khi có rất nhiều điểm nghẽn cho sản xuất, kinh doanh, không phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế, tạo rào cản thương mại gây ảnh hưởng xấu đến đàm phán giảm thuế đối ứng với Hoa Kỳ, cụ thể:

1. Chưa tiếp thu các kiến nghị trọng yếu mà cộng đồng doanh nghiệp đã nhiều lần nhấn mạnh - 03 điểm nghẽn lớn đang trực tiếp kìm hãm sản xuất-kinh doanh:

1.1. Thủ tục công bố hợp quy nhiều kê và tốn kém, không có hiệu quả, không phù hợp với quốc tế: Riêng thủ tục về hợp quy đã gồm 3 bước: doanh nghiệp công bố quy chuẩn

¹ Thông báo số 108-TB/VPTW ngày 18/11/2024

² Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025

áp dụng, xin chứng nhận hợp quy, đăng ký chứng nhận hợp quy, trong khi thiếu quy định hậu kiểm. Quốc tế chỉ có 2 bước: doanh nghiệp công bố tiêu chuẩn áp dụng - cơ quan quản lý hậu kiểm là chính³.

1.2. Việc phân loại hàng hóa nhóm 1 & 2 (hàng hóa không có rủi ro và có rủi ro) thiếu cơ sở khoa học, không phù hợp với thông lệ quốc tế: tiêu chuẩn ISO 9001 chia ra rủi ro thấp, trung bình và cao, không có loại “không có rủi ro”⁴.

1.3. Chưa có quy định loại trừ cho hàng xuất khẩu, hàng hóa là nguyên vật liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị, dụng cụ khi nhập khẩu để sử dụng cho sản xuất, gia công hàng xuất khẩu (là những hàng hóa không lưu thông trên thị trường Việt Nam) nên khi thực thi bị hiểu là các hàng hóa này phải đáp ứng yêu cầu của cả nước nhập khẩu và Việt Nam, gây gánh nặng lớn bất hợp lý cho nhà sản xuất;

2. Các quy định mới phát sinh nhiều điểm nghẽn, cản trở sản xuất-kinh doanh, đi ngược lại với các chỉ đạo cải cách của Tổng bí thư, Quốc hội và Chính phủ:

2.1. Nhiều yêu cầu mới tăng điều kiện kinh doanh và TTHC từ 100% đến 900%:

a) Điều 28, khoản 1, điểm b: “*sử dụng nhãn điện tử, hộ chiếu số của sản phẩm, thể hiện các thông tin về mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm*”: Đây là một loạt các điều kiện kinh doanh bắt buộc, trong khi quốc tế chỉ khuyến khích áp dụng, và quá chi tiết, không đúng với tinh thần xây dựng Luật mà Tổng Bí thư và Quốc Hội đã chỉ đạo “*Luật chỉ quy định khung*”.

b) Điều 34, khoản 4 “*Tổ chức, cá nhân phải thực hiện báo cáo định kỳ về chất lượng hàng hóa nhập khẩu*”: Tăng điều kiện kinh doanh 100% vì doanh nghiệp đã phải kê khai các thông tin chi tiết với Hải quan khi nhập khẩu. Hoặc Điều 46, khoản 1 quy định tất cả “*thực phẩm, dược phẩm, hóa chất, thiết bị y tế, sản phẩm dành cho trẻ em*” đều là hàng hóa rủi ro cao (hàng hóa nhóm 2). Riêng với thực phẩm, quy định này đã tăng 900% TTHC so với hiện tại (theo quy định hiện hành, chỉ 10% thực phẩm có rủi ro cao phải đăng ký)

2.2. Nặng về tiền kiểm, đi ngược lại chỉ đạo “chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm”⁵:

- Điều 5, khoản 6 quy định “*duy trì tiền kiểm với hàng hóa rủi ro cao*”.

- Điều 45, khoản 5 “*Việc kiểm tra chất lượng có thể thực hiện bằng hình thức kiểm tra điện tử*”: Quy định này là không có hiệu quả, vì kiểm tra hồ sơ giấy thì không thể xác định được sản phẩm chất lượng tốt hay xấu, do các sản phẩm giả thường có hồ sơ đẹp.

2.3. Quy định chưa rõ Cơ quan chịu trách nhiệm quản lý chất lượng hàng hóa: Hiện nay, nhiều hàng giả, hàng kém chất lượng không được xử lý kịp thời do thiếu quy định rõ cơ quan chịu trách nhiệm quản lý chất lượng hàng hóa.

2.4. Nhiều quy định bất hợp lý khác (xin xem phân tích tại Phụ lục đính kèm)

KIẾN NGHỊ:

³ ngoại trừ một vài nhóm hàng đặc biệt cần phải đăng ký, ví dụ thuốc chữa bệnh do việc sử dụng cần người có chuyên môn hướng dẫn hoặc hàng nguy hiểm như vũ khí.

⁴ ISO 9001: Điểm rủi ro từ 1-10 là thấp; 11-15 là trung bình, 16-25 là cao.

⁵ Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 5/1/2025

Các Hội/Hiệp hội ngành hàng đề nghị Chính phủ và Quốc hội yêu cầu Cơ quan Soạn thảo thực hiện chỉ đạo của Tổng Bí Thư và Chính phủ đề:

1. Gộp Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Kỹ thuật vào thành 1 chương trong Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa: vì tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là căn cứ chính để quản lý chất lượng hàng hóa và việc gộp này giúp tạo sự thống nhất trong quản lý.

2. Tháo gỡ 3 điểm nghẽn lớn hiện tại cho sản xuất-kinh doanh:

2.1. Bãi bỏ thủ tục công bố hợp quy, thay vào đó là doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn của hàng hóa, ngoại trừ một số sản phẩm cần quản lý đặc biệt phải đăng ký lưu hành theo quy định của Luật chuyên ngành. Cơ quan quản lý tiến hành hậu kiểm theo quản lý rủi ro.

2.2. Bãi bỏ phân loại hàng hóa nhóm 1 và 2, thay vào đó là quy định về quản lý rủi ro theo thông lệ quốc tế:

- a. Phân loại rủi ro theo bản chất hàng hóa với 3 mức độ rủi ro của ISO: thấp, trung bình và cao;
- b. Kiểm tra chất lượng hàng hóa theo quản lý rủi ro với 3 chỉ tiêu sau:
 - i. Mức độ rủi ro theo bản chất hàng hóa;
 - ii. Tổ chức/cá nhân có áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến hay không và lịch sử tuân thủ có tốt không;
 - iii. Có dấu hiệu vi phạm hay cảnh báo quốc tế hay không. Với hàng hóa có nguy cơ thấp và trung bình cơ quan quản lý miễn tiền kiểm hoặc tiền kiểm tần suất thấp, chủ yếu hậu kiểm. Với hàng hóa có nguy cơ cao, cơ quan quản lý tiến hành tiền kiểm tần suất cao + hậu kiểm.

2.3. Quy định hàng hóa xuất khẩu, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu không phải áp dụng các quy định đối với hàng hóa lưu thông tại Việt Nam để tháo gỡ các rào cản cho xuất khẩu và phù hợp với thông lệ quốc tế.

3. Bãi bỏ các quy định mới gây điểm nghẽn cho sản xuất-kinh doanh:

3.1. Khuyến khích chứ không bắt buộc áp dụng mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc, hộ chiếu số, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các công nghệ khác để phù hợp với thông lệ quốc tế. *Luật chỉ quy định khung: “người sản xuất phải bảo đảm truy xuất nguồn gốc hàng hóa”.*

3.2. Bãi bỏ các quy định tăng TTHC/điều kiện kinh doanh bất hợp lý hoặc làm tăng tiền kiểm như đã nêu.

3.3. Quy định rõ các Cơ quan chịu trách nhiệm quản lý an toàn, chất lượng hàng hóa

3.4. Bãi bỏ các quy định mới bất hợp lý khác (chi tiết xin xem tại Phụ lục đính kèm).

Các Hội/Hiệp hội ngành hàng tin tưởng rằng tinh thần cải cách thể chế mạnh mẽ của Đảng, Chính phủ và Quốc hội sẽ được thể hiện rõ ràng và thực chất trong quá trình hoàn thiện Luật này. Nếu được điều chỉnh hợp lý, Luật sửa đổi lần này sẽ không chỉ dừng lại ở việc hoàn

thiện hệ thống pháp luật, mà còn là bước đột phá chiến lược, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, cải thiện chất lượng hàng hóa, tạo thuận lợi cho xuất khẩu và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.

Xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào./.

**HỘI LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
TP. HỒ CHÍ MINH
CHỦ TỊCH**



Lý Kim Chi

**HIỆP HỘI THỰC PHẨM MINH BẠCH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hồng Minh

**HIỆP HỘI DỆT MAY VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH KIÊM TỔNG THƯ KÝ**



Trương Văn Cẩm

**HIỆP HỘI DA GIÀY - TÚI XÁCH VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH KIÊM TỔNG THƯ KÝ**



Phan Thị Thanh Xuân

**HIỆP HỘI CHÈ BIỂN VÀ XUẤT KHẨU
THỦY SẢN VIỆT NAM
TỔNG THƯ KÝ**



Nguyễn Hoài Nam

**HIỆP HỘI CHÈ VIỆT NAM
CHỦ TỊCH**



Hoàng Vĩnh Long

**HỘI DOANH NGHIỆP HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO
CHỦ TỊCH**



Vũ Kim Hạnh

**CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Phó giám đốc Bộ phận Đới ngoại
& Trách nhiệm xã hội**



Đào Thị Thu Huyền

PHỤ LỤC

PHÂN TÍCH CHI TIẾT NHỮNG ĐIỂM BẤT HỢP LÝ CỦA DỰ THẢO 9 LUẬT CHẤT LƯỢNG, SẢN PHẨM HÀNG HÓA SỬA ĐỔI

(Đính kèm văn bản kiến nghị chung của các Hội/Hiệp hội ngành hàng ngày 18/4/2025)

| STT | Trích dẫn nội dung | Nhận xét | Kiến nghị |
|-----|--|---|--|
| 1 | Thủ tục “Công bố hợp quy” tại các điều trong Luật | <p>- Không hiệu quả trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Quy chuẩn cũng giống như đèn xanh-đèn đỏ để quản lý giao thông, đều rất quan trọng, và là quy định pháp luật bắt buộc phải tuân thủ. <i>Luật Giao thông không yêu cầu có “chứng nhận không vượt đèn đỏ”, “đăng ký chứng nhận không vượt đèn đỏ”, vì chúng không có ý nghĩa đảm bảo người được chứng nhận sẽ không vi phạm vào ngày mai.</i> <i>Công bố hợp quy, đăng ký bản công bố hợp quy cũng không có ý nghĩa như vậy, vì cơ sở để cấp giấy chứng nhận hợp quy là giấy thử nghiệm đạt chuẩn cho 1 lô hàng ghi “chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm”, không hề có giá trị đảm bảo rằng lô hàng tiếp theo cũng đạt chuẩn, như đã cho thấy rõ trong vụ Hancofood sản xuất 573 loại sữa giả bị Bộ Công An bắt giữ gần đây, trong đó có nhiều loại đã được cơ quan quản lý cấp phép đăng ký dựa trên chứng nhận hợp quy. Giấy chứng nhận hợp quy khi đó lại trở thành công cụ của kẻ lừa đảo.</i></p> <p>- Tốn nhiều chi phí và thời gian: Để đăng ký công bố hợp quy, doanh nghiệp phải chi phí hàng chục triệu đồng cho kiểm nghiệm, có giấy kiểm nghiệm mới được cơ quan kiểm nghiệm cấp chứng nhận hợp quy, và mang giấy chứng nhận hợp quy nộp cho cơ quan quản lý mới được cấp Giấy đăng ký bản công bố hợp quy. Với hàng trăm nghìn sản phẩm, chi phí đăng ký hợp quy lên tới nhiều nghìn tỷ đồng mỗi năm.</p> | <p>Bãi bỏ thủ tục công bố hợp quy, thay vào đó là doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn của hàng hóa, ngoại trừ một số sản phẩm cần quản lý đặc biệt phải đăng ký lưu hành theo quy định của Luật chuyên ngành. Cơ quan quản lý tiến hành kiểm tra theo quản lý rủi ro.</p> <p>Gộp Luật Tiêu chuẩn và QCKT vào Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; vì tiêu chuẩn là căn cứ chính để quản lý chất lượng hàng hóa. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn sẽ thành 1 chương trong Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa</p> |
| 2 | Điều 3, khoản 5: “Sản phẩm, hàng hóa nhóm 1 là sản phẩm, hàng hóa không có rủi ro gây mất an toàn” | <p>- Thiếu cơ sở khoa học: không có hàng hóa nào tuyệt đối không có nguy cơ. Nếu theo các khái niệm này thì sẽ không có hàng hóa</p> | <p>Bãi bỏ phân loại hàng hóa nhóm 1 và 2, thay vào đó là</p> |

| STT | Trích dẫn nội dung | Nhận xét | Kiến nghị |
|-----|---|---|--|
| | <p>khoản 6: “ Sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 là sản phẩm, hàng hóa có rủi ro gây mất an toàn”</p> <p>* Điều 5 khoản 2: Việc xác định sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được căn cứ như sau:</p> <p>b1) Mức độ rủi ro gây mất an toàn có thể xảy ra được đánh giá theo phương pháp đánh giá rủi ro phù hợp với hướng dẫn của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO);</p> <p>b2) Khả năng quản lý của cơ quan nhà nước trong từng thời kỳ;</p> <p>b3) Cảnh báo của tổ chức quốc tế có liên quan đối với sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>c) Chính phủ quy định cụ thể việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và biện pháp quản lý tương ứng.</p> | <p>nào là nhóm 1, 100% hàng hóa sẽ đều là hàng hóa nhóm 2, vậy thì phân loại là vô ích.</p> <p>- Không phù hợp với thông lệ quốc tế: ISO 9001 chia ra các mức rủi ro thấp, trung bình và cao, không có loại “không có rủi ro”. Các nước tiên tiến cũng không quy định hàng hóa rủi ro cao phải đăng ký hoặc công bố hợp quy, ví dụ như thực phẩm tươi sống là hàng hóa rủi ro cao do dễ nhiễm khuẩn, nhưng không ai đăng ký hoặc công bố hợp quy cả, mà chỉ có các quy định bắt buộc phải tuân thủ để giữ vệ sinh an toàn thực phẩm cho thực phẩm tươi sống.</p> <p><i>Các nước tiên tiến chỉ quy định một số hàng hóa cần phải kiểm soát đặc biệt do tính chất (chứ không phải do rủi ro) cần phải đăng ký như dược phẩm hay vũ khí, và có thêm khái niệm “Dangerous Goods =Hàng hóa nguy hiểm”</i> gồm 9 loại (chất nổ, khí nén, chất lỏng dễ cháy, chất rắn dễ cháy, các chất oxi hóa và peroxid hữu cơ, các chất độc và các chất nhiễm khuẩn, các chất phóng xạ, các chất ăn mòn, các chất nguy hiểm khác có thể gây cháy nổ hoặc nguy hiểm cho sức khỏe khi phơi nhiễm trong môi trường mà không có tiếp xúc vật lý với chất đó như pin li-ti)</p> <p>(https://www.inboundlogistics.com/articles/dangerous-goods/).</p> <p>- Không phù hợp thực tiễn: Điều 46 áp tất cả thực phẩm, hóa chất, trang thiết bị y tế, thuốc là hàng hóa nhóm 2, mâu thuẫn với quy định chuyên ngành hiện tại:</p> <p>+ Nghị định 15/2018/NĐ-CP: đa số thực phẩm là hàng hóa rủi ro thấp, chỉ cần tự công bố.</p> <p>+ Trang thiết bị y tế, thuốc không phải là hàng hóa nhóm 2. Nhiều loại trang thiết bị y tế thuộc nhóm tự công bố. Thuốc cũng có nhiều loại thuốc OTC (bán tự do không cần kê đơn)</p> <p>* 3 tiêu chí để xác định hàng hóa nhóm 2 là không phù hợp để xác định rủi ro của sản phẩm, vì đây là các tiêu chí về quản lý rủi ro nói chung, bao gồm cả khả năng quản lý của nhà nước, không phải là rủi ro của sản phẩm</p> | <p>quy định về quản lý rủi ro theo thông lệ quốc tế:</p> <p>(a) phân loại rủi ro theo bản chất hàng hóa: 3 mức độ rủi ro của ISO: thấp, trung bình và cao;</p> <p>(b) Kiểm tra chất lượng hàng hóa theo quản lý rủi ro với 3 chỉ tiêu: (i) mức độ rủi ro theo bản chất hàng hóa; (ii) tổ chức/cá nhân có áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến hay không và lịch sử tuân thủ có tốt không; (iii) có dấu hiệu vi phạm hay cảnh báo quốc tế hay không.</p> <p>Với hàng hóa có nguy cơ thấp, cơ quan quản lý miễn tiền kiểm hoặc tiền kiểm tần suất thấp, chủ yếu hậu kiểm. Với hàng hóa có nguy cơ cao và rất cao, cơ quan quản lý tiến hành tiền kiểm tần suất cao + hậu kiểm. Một số hàng hóa đặc biệt cần phải đăng ký với cơ quan quản lý theo quy định của Luật chuyên ngành</p> |
| 3 | Điều 2 (Đối tượng áp dụng), điều 5 (Nguyên tắc chung), 9, 10, 11, 12, 13, 14, 25, 28, 32, 33, 34, | - Quy định chung về hàng hóa, chưa có loại trừ cho hàng xuất khẩu nên khi thực thi bị hiểu là hàng xuất khẩu phải đáp ứng yêu cầu của | Bổ sung quy định về hàng xuất khẩu vào điều 2: |

| STT | Trích dẫn nội dung | Nhận xét | Kiến nghị |
|-----|--|---|--|
| | 45... | cả nước nhập khẩu và Việt nam, gây gánh nặng lớn bất hợp lý cho hàng xuất khẩu; | <i>Sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chỉ phải tuân thủ các quy định của thị trường nước nhập khẩu.</i> |
| 4 | Điều 13, khoản 4, 8, 9 về quyền của tổ chức, cá nhân xuất khẩu; | <p>- Khoản 4: Sử dụng dấu hợp chuẩn, hợp quy:</p> <p>+ Hàng hóa xuất khẩu đã phải tuân theo quy định của nước nhập khẩu và không có quốc gia nào yêu cầu phải có dấu hợp chuẩn hợp quy của Việt Nam.</p> <p>+ Việc quy định chung chung như tại khoản 4 này dẫn đến quy định tràn lan và các Bộ ngành buộc phải quy định phải hợp chuẩn hợp quy và đóng dấu ngay cả hàng xuất khẩu; gây tăng chi phí, thời gian, thủ tục cho tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan quản lý và cũng không nâng cao được an toàn, chất lượng sản phẩm hàng hóa và các nước nhập khẩu cũng không cần dấu hợp chuẩn hợp quy của Việt Nam.</p> <p>- Khoản 8, 9: Tổ chức, cá nhân được tiếp cận thông tin, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, tài chính và chính sách ưu đãi của Nhà nước</p> <p>+ Nội dung này là không cần thiết bởi DN có thể tự thực hiện được. Nếu có chính sách ưu đãi thì cần quy định rõ ràng thành chương, điều khoản riêng thì mới hiện thực được.</p> <p>+</p> | Bỏ các quy định này |
| 5 | Điều 14, khoản 5,6, 7 về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân xuất khẩu | <p>- Yêu cầu cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin về đặc tính chất lượng, tiêu chuẩn áp dụng, xuất xứ và truy xuất nguồn gốc của hàng hóa xuất khẩu cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu và cơ quan có thẩm quyền tại thị trường nước nhập khẩu: Quy định này là hết sức vô lý, không có căn cứ và không thực hiện được bởi:</p> <p>+ Hiện nay, không có tổ chức, cá nhân, cơ quan có thẩm</p> | <p>- Bỏ các quy định tại khoản 5, khoản 6.</p> <p>- Bỏ quy định này hoặc thay bằng 1 điều khoản khác là Nhà nước có trách nhiệm hỗ trợ Doanh nghiệp trong việc truy suất hàng hóa nếu hàng hóa</p> |

| STT | Trích dẫn nội dung | Nhận xét | Kiến nghị |
|-----|--------------------|---|---|
| | | <p>quyền nào của nước nhập khẩu yêu các quy định cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin về đặc tính chất lượng, tiêu chuẩn áp dụng, xuất xứ và truy xuất nguồn gốc của hàng hóa xuất khẩu cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu và cơ quan có thẩm quyền tại thị trường nước nhập khẩu, nên việc quy định nghĩa vụ này khiến cho tốn kém về chi phí, thời gian, nhân công của Doanh nghiệp không cần thiết.</p> <p>+ Tại các nước nhập khẩu, hàng hóa chỉ cần phải tuân theo các quy chuẩn kỹ thuật – technical regulation để đảm bảo an toàn cho người sử dụng là đủ.</p> <p>+ Tổ chức, cá nhân sản xuất hàng xuất khẩu chỉ đang tuân theo các quy định của nước nhập khẩu chứ nhà nhập khẩu cũng không quan tâm đến tiêu chuẩn áp dụng của Việt Nam và tổ chức, cá nhân sản xuất hàng xuất khẩu cũng đang không cần phải tuân theo các tiêu chuẩn áp dụng của Việt Nam nên quy định này là không thực hiện được.</p> <p>- Nội dung “tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường, lao động, trách nhiệm xã hội hoặc yêu cầu về phát thải, bao bì, dán nhãn theo quy định của thị trường nước nhập khẩu, hợp đồng thương mại hoặc điều ước quốc tế có liên quan” là không cần thiết bởi:</p> <p>+ Hàng hóa xuất khẩu phải tuân thủ theo yêu cầu của nước nhập khẩu tại điều 32 của Luật này. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường, lao động, trách nhiệm xã hội hoặc yêu cầu về phát thải, bao bì, dán nhãn theo quy định của thị trường nước nhập khẩu, hợp đồng thương mại hoặc điều ước quốc tế có liên quan là đương nhiên phải làm thì mới có thể xuất khẩu được hàng hóa</p> <p>+ Việc quy định tại khoản 6 sẽ dẫn đến doanh nghiệp phải chứng minh khi cơ quan nhà nước đến thanh tra và phát sinh nhiều thủ</p> | <p>buộc phải truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của Khách hàng.</p> |

| STT | Trích dẫn nội dung | Nhận xét | Kiến nghị |
|-----|--|--|---|
| | | <p>tục, thời gian, chi phí không cần thiết cho Doanh nghiệp mà trên thực tế, Doanh nghiệp vẫn đang thực hiện tốt khi không có quy định này.</p> <p>- Nội dung “ tổ chức thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của nước nhập khẩu, bảo đảm khả năng xác định, theo dõi quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu thông hàng hóa trong chuỗi cung ứng” là không thể thực hiện được và không cần thiết bởi:</p> <p>+ Trên Thế giới, hiện tại không có bất kỳ quốc gia nào quy định về việc phải truy xuất nguồn gốc đối với tất cả hàng hóa, ngay cả EU có ý định làm nhưng cũng phải hoãn lại vì bất khả thi</p> <p>+ Mỗi sản phẩm đều có đặc thù riêng và rất nhiều nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, trong đó có những nguyên vật liệu rất khó để xác định chính xác vì còn phụ thuộc vào thiên nhiên, vùng nguyên liệu, thời gian, con người, phương tiện thu thập như nguyên liệu thủy sản, nông sản...</p> <p>+ Truy xuất nguồn gốc này cũng không tạo nên chất lượng của sản phẩm</p> <p>+ Quy định thành quyền của Doanh nghiệp vô hình chung là nghĩa vụ của Doanh nghiệp phải thực hiện sẽ tạo gánh nặng rất lớn về chi phí, thời gian cho Doanh nghiệp một cách không cần thiết</p> | |
| 6 | Điều 32, khoản 1, 2, 3 về điều kiện đảm bảo hàng hóa xuất khẩu | <p>- Khoản 1 cần điều chỉnh lại.</p> <p>- Khoản 2 và 3 không cần thiết vì :</p> <p>+ Hàng hóa xuất khẩu đã tuân theo quy định của nước nhập khẩu</p> <p>+ Hiện nay, không có tổ chức, cá nhân, cơ quan có thẩm quyền</p> | <p>- Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 32 như sau:</p> <p>“1. Người xuất khẩu hàng hóa chỉ phải bảo đảm hàng hóa xuất khẩu phù hợp với quy định của nước nhập</p> |

| STT | Trích dẫn nội dung | Nhận xét | Kiến nghị |
|-----|--------------------|--|---|
| | | <p>nào của nước nhập khẩu yêu các quy định này, nên việc quy định nghĩa vụ này khiến cho tốn kém về chi phí, thời gian, nhân công của Doanh nghiệp không cần thiết.</p> <p>+ Tại các nước nhập khẩu, hàng hóa chỉ cần phải tuân theo các quy chuẩn kỹ thuật – technical regulation để đảm bảo an toàn cho người sử dụng là đủ</p> <p>+ Tổ chức, cá nhân sản xuất hàng xuất khẩu chỉ đang tuân theo các quy định của nước nhập khẩu chứ nhà nhập khẩu cũng không quan tâm đến tiêu chuẩn áp dụng của Việt Nam và tổ chức, cá nhân sản xuất hàng xuất khẩu cũng đang không cần phải tuân theo các tiêu chuẩn áp dụng của Việt Nam nên quy định này là không thực hiện được.</p> <p>+ Hàng hóa xuất khẩu không tiêu dùng tại Việt Nam, do vậy cơ quan có thẩm quyền không có quyền yêu cầu tổ chức cá nhân phải thực hiện quy định này. Nếu yêu cầu thì điều này là sai nguyên tắc vì cơ quan có thẩm quyền chỉ quản lý các sản phẩm hàng hóa lưu thông tại thị trường trong nước.</p> <p>+ Nếu phải thực hiện, rất nhiều cơ quan có thẩm quyền sẽ đến các danh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu gây những nhiễu, khó khăn và làm cản trở quá trình sản xuất để xuất khẩu</p> <p>+ Hiện tại, khi không có quy định này thì các Doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu vẫn đang thực hiện rất tốt, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đang có sức cạnh tranh rất tốt trên thế giới.</p> <p>+ Phải cung cấp hồ sơ chứng minh sự phù hợp vô hình chung dẫn đến việc hàng hóa xuất khẩu phải mang đi kiểm nghiệm và hợp chuẩn hợp quy đối với hàng hóa nhóm 2 hoặc phải chứng minh phù hợp với các tiêu chuẩn của Việt Nam là hết sức vô lý và không thể thực hiện được, gây cản trở rất lớn cho hàng hóa xuất khẩu trong khi các nước nhập khẩu không yêu</p> | <p>khẩu, hợp đồng hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp với nước, vùng lãnh thổ có liên quan. “Hàng hóa đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều này được phép xuất khẩu mà không bị kiểm tra của cơ quan kiểm tra.”</p> <p>- Bỏ khoản 2 và 3</p> |

| STT | Trích dẫn nội dung | Nhận xét | Kiến nghị |
|-----|---|--|--|
| | | <p>câu phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam.</p> <p>- Hàng hóa bị trả lại có rất nhiều nguyên nhân chủ yếu là những nguyên nhân khách quan như hỏng hóc trong quá trình vận chuyển, đơn hàng thay đổi, đóng thiếu/ thừa hàng và khi quay trở lại VN đều phải làm thủ tục hải quan. Quy định dẫn đến việc cơ quan không cần biết lý do của hàng trả lại là gì nhưng lại yêu cầu Doanh nghiệp phải có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cơ quan kiểm tra chất lượng và có biện pháp khắc phục thì mới cho nhập khẩu dẫn đến tạo rất nhiều khó khăn vô lý cho Doanh nghiệp</p> <p>Việc thông báo cũng không giải quyết được vấn đề gì mà lại gây ra thủ tục hành chính, tăng chi phí không cần thiết cho Doanh nghiệp trong khi nếu lỗi về khách quan, không phải lỗi chất lượng thì Doanh nghiệp có thể nhanh chóng xử lý để tái xuất, còn lỗi về chất lượng thì chỉ doanh nghiệp mới xử lý được.</p> <p>Hiện tại, khi không có quy định này thì các Doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu vẫn đang thực hiện rất tốt, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đang có sức cạnh tranh rất tốt trên thế giới.</p> | |
| | Tăng điều kiện kinh doanh/thủ tục hành chính | | |
| 7 | <p>Điều 28, khoản 1, điểm b: “<i>sử dụng nhãn điện tử, hộ chiếu số của sản phẩm, thể hiện các thông tin về mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm</i>”, và nhiều điều khác liên quan đến nhãn điện tử, hộ chiếu số, mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc</p> | <p>Đây là một loạt các điều kiện kinh doanh bắt buộc, trong khi quốc tế chỉ khuyến khích áp dụng.</p> <p>Mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy không phải là chất lượng hàng hóa, mà là giải pháp công nghệ để quản lý, giám sát sản phẩm. Việc quy định cứng nhắc một số giải pháp công nghệ trong Luật là không phù hợp, vì có nhiều công nghệ khác nhau, và công nghệ luôn luôn tiến bộ.</p> | <p>Không đưa vào Luật các quy định bắt buộc áp dụng mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy; mà thay bằng từ “khuyến khích”</p> |

| STT | Trích dẫn nội dung | Nhận xét | Kiến nghị |
|-----|---|---|---|
| | | <p>Thay vào đó, chỉ nên quy định người sản xuất có trách nhiệm bảo đảm truy xuất nguồn gốc hàng hóa, còn việc chọn lựa công nghệ nào là quyền của người sản xuất</p> <p>+ gây chông chéo và mâu thuẫn với quy định hiện hành về ghi nhãn hàng hóa (NĐ 111/2021/NĐ-CP)</p> <p>+ không phù hợp với thông lệ quốc tế: ghi mã số, mã vạch là tự nguyện chứ không bắt buộc.</p> <p>+ gây tăng thủ tục hành chính và khó khăn cho sản xuất-kinh doanh: DN có thể chọn lựa nhiều biện pháp để giúp truy xuất nguồn gốc, chứ không chỉ riêng mã số, mã vạch, ví dụ như mã QR. Hàng hóa lưu hành tại địa phương của các DN nhỏ và siêu nhỏ cũng khó có thể đáp ứng được các yêu cầu này.</p> | |
| 8 | <p>Điều 34, khoản 4 “Tổ chức, cá nhân phải thực hiện báo cáo định kỳ về chất lượng hàng hóa nhập khẩu”: Hoặc.</p> | <p>Tăng điều kiện kinh doanh 100% vì doanh nghiệp đã phải kê khai các thông tin chi tiết với Hải quan khi nhập khẩu.</p> | <p>Bãi bỏ yêu cầu này</p> |
| 9 | <p>Điều 46, khoản 1 quy định tất cả “thực phẩm, dược phẩm, hóa chất, thiết bị y tế, sản phẩm dành cho trẻ em” đều là hàng hóa rủi ro cao (hàng hóa nhóm 2)</p> | <p>Riêng với thực phẩm, quy định này đã tăng 900% TTHC so với hiện tại (Theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP chỉ khoảng 10% thực phẩm thuộc nhóm rủi ro cao phải đăng ký)</p> | <p>Bãi bỏ yêu cầu này</p> |
| | <p>Nặng về tiền kiểm</p> | | |
| 10 | <p>- Điều 5, khoản 6 quy định “duy trì tiền kiểm với hàng hóa rủi ro cao”.</p> | <p>Đi ngược lại chỉ đạo của Chính phủ “chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm”:</p> | <p>Bãi bỏ điểm này, thay bằng nguyên tắc nêu ở điểm 2 của kiến nghị</p> |
| 11 | <p>- Điều 45, khoản 5 “Việc kiểm tra chất lượng có thể thực hiện bằng hình thức kiểm tra điện tử”:</p> | <p>Quy định này là không có hiệu quả, vì kiểm tra hồ sơ giấy thì không thể xác định được sản phẩm chất lượng tốt hay xấu, do các sản phẩm giả thường có hồ sơ đẹp.</p> | <p>Bãi bỏ điểm này.</p> |
| | <p>Nhiều quy định mới bất hợp lý khác</p> | | |
| 12 | <p>Điều 9, khoản 9. Thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật; bảo đảm khả năng xác định được lịch sử của sản phẩm qua từng công đoạn sản xuất, lưu thông và phân phối.”</p> | <p>Việc “bảo đảm khả năng xác định được lịch sử của sản phẩm qua từng công đoạn sản xuất, lưu thông và phân phối” là rất khó thực hiện. Trên Thế giới, hiện tại không có bất kỳ quốc gia nào quy định về việc phải truy xuất nguồn gốc đối với tất cả hàng hóa, ngay cả EU có ý định làm nhưng cũng phải hoãn lại vì bất khả thi.</p> | <p>Bãi bỏ đoạn từ chữ “bảo đảm”.</p> |

| STT | Trích dẫn nội dung | Nhận xét | Kiến nghị |
|-----|---|---|--|
| | Tương tự là Điều 14 khoản 7: “7. Tổ chức thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của nước nhập khẩu, bảo đảm khả năng xác định, theo dõi quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu thông hàng hóa trong chuỗi cung ứng.” | Tương tự, với hàng hóa xuất khẩu, việc “bảo đảm khả năng xác định, theo dõi quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu thông hàng hóa trong chuỗi cung ứng” là rất khó thực hiện, nhất là sau khi hàng đã xuất khẩu xong thì làm sao biết được họ lưu thông ở nước nhập khẩu thế nào | |
| 13 | Điều 10, khoản 15: Nghĩa vụ của người sản xuất: <i>...Tổ chức đánh giá định kỳ rủi ro liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa”,</i> | Quy định không rõ ràng (không rõ đánh giá định kỳ rủi ro liên quan về chất lượng là đánh giá như thế nào) và không phù hợp với quốc tế | Bãi bỏ điểm này |
| 14 | Điều 12, khoản 2 (Nghĩa vụ của người nhập khẩu): <i>“cung cấp đầy đủ, chính xác tài liệu, hồ sơ liên quan đến chất lượng cho người bán hàng và cập nhật thông tin về hàng hóa nhập khẩu”</i> | “Tài liệu, hồ sơ liên quan đến chất lượng” là khái niệm rất rộng, nhiều tài liệu chỉ có nhà sản xuất mới có, và là bí mật kỹ thuật của họ, nhà nhập khẩu không thể có được để cung cấp | Bãi bỏ điểm này |
| 15 | Điều 11, khoản 4 “Sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các dấu hiệu khác cho hàng hoá nhập khẩu theo quy định.” | Dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy không có giá trị gì để đảm bảo hàng đạt chất lượng, như vụ sữa giả Hancofood đã cho thấy. | Bãi bỏ yêu cầu này |
| 16 | Điều 23. Công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy 1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu công bố tiêu chuẩn áp dụng trên hàng hóa hoặc một trong các hình thức sau đây: a) Bao bì hàng hóa; b) Nhãn hàng hóa; c) Tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa. | Làm tăng thủ tục hành chính và gây thừa, vì tổ chức, cá nhân đã phải công bố tiêu chuẩn áp dụng trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia theo Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, vừa phải công bố trên hàng hóa -Mâu thuẫn với Nghị định 111/2021/NĐ-CP về ghi nhãn hàng hóa do không có yêu cầu ghi tiêu chuẩn áp dụng trên nhãn hàng hóa | Thêm: d) Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia |
| 17 | Điều 34. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa nhập khẩu 1. Hàng hóa nhập khẩu phải được công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định tại Điều 23 của Luật này và ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa 4. Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu theo nội dung | Hàng hóa là nguyên vật liệu, linh kiện, máy móc, dụng cụ, thiết bị để phục vụ việc sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu là hàng hóa không lưu thông và không được tiêu thụ tại thị trường trong nước. Vì vậy cần được loại trừ khỏi đối tượng áp | Cho phép các hàng hóa là nguyên vật liệu, linh kiện, máy móc, dụng cụ, thiết bị để phục vụ việc sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu được miễn trừ không áp dụng các quy định này |

| STT | Trích dẫn nội dung | Nhận xét | Kiến nghị |
|-----|---|---|---|
| | quy định tại khoản 2 Điều 27, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 35 của Luật này | | |
| 18 | Điều 36 “Hàng hóa nhập khẩu dưới hình thức hàng xách tay, hàng phi mậu dịch, ...được quản lý như hàng hóa nhập khẩu thương mại và phải đáp ứng các quy định của pháp luật về công bố tiêu chuẩn áp dụng, kiểm tra chất lượng, truy xuất nguồn gốc và nhãn hàng hóa” | Điều này là bất hợp lý, vì hàng xách tay, hàng phi mậu dịch không phải là hàng thương mại, nên không thể yêu cầu các cá nhân dùng với mục đích cá nhân công bố tiêu chuẩn áp dụng, kiểm tra chất lượng, truy xuất, dán nhãn...được. Mặt khác, đây là các mặt hàng quy mô nhỏ lẻ và rất đa dạng chủng loại, số lượng nên các cơ quan quản lý cũng không thể đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, thời gian) để kiểm soát được đúng như yêu cầu. | Bỏ “hàng xách tay, hàng phi mậu dịch” |
| 19 | Điều 42, khoản 3: “3. Tổ chức, cá nhân bán hàng... chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng, an toàn sản phẩm do mình cung cấp.” | Không thể chỉ quy hết trách nhiệm cho người bán hàng mà bỏ qua trách nhiệm của nhà sản xuất | Sửa là “3. Tổ chức, cá nhân bán hàng... chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về chất lượng, an toàn sản phẩm do mình cung cấp.” |